

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

Lê Anh Thọ*; Trần Trung**
Trần Thị Tú***

Tóm tắt:

Sử dụng 04 phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy để khảo sát và đánh giá thực trạng công tác GDTC tại các trường tiểu học trên địa bàn Tỉnh Thái Nguyên năm học 2015 -2016. Kết quả cho thấy, thực trạng công tác GDTC tại một số trường tiểu học còn bất cập và hạn chế về nội dung, chương trình giảng dạy; về đội ngũ giáo viên; về cơ sở vật chất...đặc biệt, kết quả học tập và trình độ thể lực của học sinh còn thấp, chủ yếu ở mức độ trung bình.

Từ khóa: Thực trạng; Giáo dục thể chất; Học sinh tiểu học; Tỉnh Thái Nguyên.

Current status of physical education in primary schools of Thai Nguyen province

Summary:

Using 04 methods of routine scientific research to survey and evaluate the situation of physical education in primary schools of Thai Nguyen province for the school year 2015-2016. The results show that the current situation of physical education in some primary schools is inadequate and limited in content and curriculum; about the teachers; facilities ... especially, the learning outcomes and physical strength of students are low, mainly at the average level.

Keywords: Current status; Physical education; Primary school students; Thai Nguyen province.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Mục tiêu đào tạo của giáo dục là phát triển con người toàn diện, tăng cường bồi dưỡng cho thể hệ trẻ về năng lực trí tuệ cũng như về phẩm chất, đạo đức, nhân cách. Mục tiêu giáo dục toàn diện phải hội đủ các mặt: Đức - Trí - Thể - Mỹ - Lao động hướng nghiệp, trong đó thể chất là cơ sở để tiếp nhận các mặt còn lại và là chìa khóa để nâng cao tầm vóc, thể trạng cho học sinh.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, vấn đề GDTC cho học sinh bậc tiểu học trên địa bàn Tỉnh Thái Nguyên còn tồn tại nhiều bất cập. Việc GDTC cho học sinh chưa nhận được sự quan tâm đúng mức từ phía gia đình, nhà trường và xã hội. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến việc phát triển thể trạng, sức khỏe của trẻ, gây mất cân đối, hài hoà giữa phát triển trí tuệ, thể chất và phát triển toàn diện nhân cách học sinh. Chính vì lẽ đó, việc đánh giá “ Thực trạng công tác GDTC tại các trường tiểu học của Tỉnh Thái Nguyên”, làm cơ sở đề xuất những giải pháp thiết thực góp phần nâng cao chất lượng GDTC

cho học sinh tiểu học trên địa bàn Tỉnh Thái Nguyên là việc làm có tính cấp thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp quan kiểm tra sự phạm; Phương pháp toán học thống kê.

Khảo sát được tiến hành trên 15 trường tiểu học tỉnh Thái Nguyên gồm: Trường Tiểu học Đội Cấn, Trường Tiểu học Thống Nhất và Trường Tiểu học Cao Ngạn – Tp. Thái Nguyên; Trường Tiểu học Chiến Thắng và Trường Tiểu học Sông Cầu – Huyện Đồng Hỷ; Trường Tiểu học Dân Tiến – Huyện Võ Nhai; Trường Tiểu học Đồng Doãn Khuê và Trường Tiểu học Ký Phú – Huyện Đại Từ; Trường Tiểu học Tân Kim, Trường Tiểu học Kha Sơn – Huyện Phú Bình; Trường Tiểu học Thành Công, Trường Tiểu học Ba Hàng – Thị xã Phổ Yên; Trường Tiểu học Yên Ninh, Trường Tiểu học Thị trấn Du - Huyện Phú Lương; Trường Tiểu học Phú

*TS, Nguyên Vụ trưởng Vụ Thể thao quần chúng, Ủy ban TDTT

**TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

***ThS, Khoa TDTT – Trường ĐHSP – ĐH Thái Nguyên

Sơn - Huyện Định Hóa. Số lượng học sinh khảo sát tại 15 trường: 3425 học sinh.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng dạy học chính khóa môn Thể dục và hoạt động TDTT ngoại khóa trong các trường Tiểu học ở tỉnh Thái Nguyên

1.1. Thực trạng dạy học chính khóa môn Thể dục

- Về thực hiện chương trình: 100% các trường tiểu học ở tỉnh Thái Nguyên đều tiến hành dạy học theo đúng chương trình chuẩn do Bộ Giáo dục – Đào tạo ban hành, các khối lớp 2 đến lớp 5 đều có tổng quỹ thời gian của 1 năm học là 74 tiết/37 tuần (bao gồm 70 tiết thực học và 4 tiết dự phòng), trung bình mỗi tuần có 02 tiết thể dục; riêng khối lớp 1 có quỹ thời gian của 1 năm học là 35 tiết/35 tuần, trung bình mỗi tuần 01 tiết thể dục.

- Về nội dung: Nội dung dạy học trong môn Thể dục cho học sinh tiểu học phần lớn là các giờ học thực hành với nội dung chủ yếu là trò chơi vận động (chiếm tỉ lệ từ 28.57% đến 42.86%) và bài tập phát triển chung (chiếm tỉ lệ từ 14.29% đến 20.00%) đối với các khối lớp 2 đến lớp 5, riêng khối lớp 1 tỉ lệ này thấp hơn (chiếm tỉ lệ 8.57%) thay vào đó là các bài tập thể dục rèn luyện tư thế cơ bản (chiếm tỉ lệ 28.57%). Chiếm tỉ lệ không nhỏ (từ 11.43% đến 17.14%) là các bài tập đội hình đội ngũ, các nội dung còn lại tập trung cho các bài tập nhảy dây, đá cầu hoặc các bài tập với dụng cụ và các môn thể thao tự chọn theo sở thích của học sinh.

Thực tế qua quan sát quá trình dạy học môn Thể dục tại một số trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên cho thấy: Nội dung trò chơi vận động được các em ham thích tập luyện lại ít được thực hiện trong các giờ thể dục, hoặc nếu có tổ chức lại chỉ thường lặp đi lặp lại một số trò chơi quen thuộc qua các khối lớp. Ngoài ra, giáo viên thường cho học sinh tập luyện thêm các nội dung khác thuộc chương trình chính khóa, bắt buộc. Điều này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hứng thú tập luyện giờ thể dục của học sinh. Vì vậy rất cần thiết phải bổ sung các TCVD trong giờ học ngoại khóa cho học sinh nhằm nâng cao chất lượng GDTC trong nhà trường.

1.2. Thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Với đặc thù của

các trường tiểu học là học sinh học bán trú (2 buổi/ngày), thời gian chủ yếu giành cho học tập các môn văn hóa, do vậy học sinh rất ít được tham gia các hoạt động tập luyện TDTT đặc biệt là các hoạt động TDTT ngoại khóa hầu như chưa được quan tâm đầy đủ. Qua khảo sát và đánh giá của các Phòng GD cho thấy các trường tiểu học của tỉnh phần lớn hình thức tổ chức vẫn là không có giáo viên hướng dẫn (tự phát) chiếm tỉ lệ 36.75%, hình thức hoạt động chủ yếu là đội tuyển, các hoạt động ngoại khóa ở các trường chỉ được tổ chức trước kỳ kiểm tra hoặc trước các cuộc thi đấu TDTT của trường hoặc cụm trường. Việc làm này chưa thực sự kích thích sự phát triển phong trào TDTT trong đối tượng học sinh các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh, vì vậy hiệu quả GDTC còn thấp.

Học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên rất thích tham gia tập luyện ngoại khóa (chiếm tỉ lệ 88.53%), động cơ tham gia tập luyện ngoại khóa của các em chủ yếu do ham thích (chiếm 57.53%). Tỷ lệ học sinh tập luyện ngoại khóa thường xuyên chiếm 49.53%, thỉnh thoảng tập chiếm 44.07% và không tham gia tập luyện chiếm 10.27%. Yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tập luyện ngoại khóa: Hầu hết học sinh ở các khối lớp đều cho rằng giáo viên hướng dẫn là yếu tố hàng đầu ảnh hưởng đến việc tập luyện ngoại khóa (chiếm tỉ lệ chung 42.07%), thứ hai là yếu tố điều kiện sân bãi, dụng cụ tập luyện (chiếm tỉ lệ chung là 36.87%). Ngoài ra, các yếu tố còn lại như thời gian, sự ủng hộ của bạn bè cũng như sở thích cũng có ảnh hưởng tuy nhiên chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ (từ 3.93% đến 11.47%). Về nhu cầu tập luyện các môn thể thao của các em được thể hiện ở 8 môn, trong đó, tỉ lệ cao nhất là các môn: Bóng đá, trò chơi vận động và võ thuật (chiếm tỉ lệ chung từ 10.90% đến 39.20%); nhóm thứ hai là các nội dung: Đá cầu, cờ vua, bơi lội, chiếm tỉ lệ chung từ 6.07% đến 8.13%. Chiếm tỉ lệ thấp hơn cả là các nội dung bóng bàn và cầu lông (từ 2.13% đến 4.67%). Tóm lại, có thể thấy đa số học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên rất thích tập luyện ngoại khóa dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giáo viên và các nội dung thích tập luyện ngoại khóa là: Bóng đá, Trò chơi vận động và Võ thuật.

BÀI BÁO KHOA HỌC

2. Thực trạng đội ngũ giáo viên giảng dạy thể dục ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên

Thống kê thực trạng đội ngũ giáo viên Thể dục tại các trường tiểu học tỉnh Thái Nguyên thông qua số liệu thống kê của Sở GD&ĐT Thái

Bảng 1. Thực trạng đội ngũ giáo viên tiểu học môn Thể dục ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên (Nguồn Sở GD&ĐT năm học 2015-2016)

Tổng số GV	Tổng số trường TH	Giáo viên chuyên trách				Giáo viên kiêm nhiệm					
		Tổng	Đại học		Dưới đại học		Tổng	Đại học		Dưới đại học	
			m _i	%	m _i	%		m _i	%	m _i	%
258	234	144	75	29.07	69	26.74	114	66	25.58	48	18.61
Bình quân: 1.10GV/1 trường; 1GV/366 HS											

viên chuyên trách và giáo viên kiêm nhiệm) chiếm tỉ lệ 97.44%. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường chưa có đủ số lượng giáo viên theo quy định của Bộ GD&ĐT chiếm tỉ lệ 2.56%. Trung bình trên toàn tỉnh mỗi trường có 1.10 giáo viên phụ trách dạy học thể dục.

- Về trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên: Số giáo viên chuyên trách có trình độ Đại học chiếm tỉ lệ 29.07%, số giáo viên có trình độ dưới Đại học chiếm tỉ lệ 26.74%. Đây đều là những giáo viên được đào tạo chuyên ngành GDTC. Bên cạnh đó vẫn còn một tỉ lệ khá lớn đội ngũ giáo viên dạy thể dục là giáo viên kiêm nhiệm là 114 người (chiếm tỉ lệ 44.19%), tỉ lệ này chủ yếu còn tồn tại ở các trường thuộc khu vực nông thôn và miền núi. Đây là những khu vực đã thiếu giáo viên giảng dạy lại phải sử dụng giáo viên kiêm nhiệm nhiều, do vậy công tác GDTC cho HSTH sẽ gặp nhiều khó khăn,

Nguyên năm học 2015-2016. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Kết quả bảng 1 cho thấy:

- Về số lượng giáo viên: Phần lớn các trường tiểu học đã đủ giáo viên theo quy định của Bộ GD&ĐT (số lượng giáo viên ở đây tính cả giáo

chất lượng giảng dạy không cao.

Kết quả nghiên cứu về thực trạng đội ngũ giáo viên giảng dạy cho thấy: Trong những năm gần đây số giáo viên dạy Thể dục trên địa bàn tỉnh đã được bổ sung, tuy nhiên so với thực tế số học sinh thì lượng giáo viên giảng dạy còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu bức xúc hiện nay. Số giáo viên đã ít lại phân bố không đều giữa các huyện, thị, thành. Bên cạnh đó, số giáo viên kiêm nhiệm dạy Thể dục vẫn còn khá đông và trình độ dưới Đại học còn nhiều điều này đã làm ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng giảng dạy GDTC cho học sinh. Qua đây cho thấy giáo viên tiểu học dạy thể dục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay không chỉ thiếu về số lượng mà còn yếu về chất lượng.

3. Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác GDTC ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên

Bảng 2. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC ở một số trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên (n=15)

TT	Sân bãi – Dụng cụ	Số trường có	m _i	Tỉ lệ %	Chất lượng	Mức độ đáp ứng nhu cầu
1	Bê bơi thông minh	03/15	3	20	Tốt	Thấp
2	Sân đá cầu	15/15	24	100	Sân xi măng	Trung bình
3	Sân bóng đá mini	02/15	2	13.33	Sân đất	Thấp
5	Sân cầu lông	15/15	24	100	Sân xi măng	Trung bình
6	Sân tập thể dục	15/15	15	100	Sân xi măng, sân đất	Trung bình
7	Phòng học cờ vua	15/15	15	100	Phòng học	Trung bình
8	Đường chạy 60m	10/15	10	66.66	Sân xi măng, sân đất	Thấp
9	Hồ nhảy cao, nhảy xa	8/15	8	53.33	Hồ cát	Thấp
10	Nhà tập thể chất	02/15	2	13.33	Nhà cấp 4	Thấp
11	Dụng cụ	15/15	Thiếu	100	Trung bình	Thấp

Kết quả bảng 2 cho thấy:

- Về hệ thống nhà tập thể chất: Trong số 15 trường tiểu học được khảo sát tại cả 9 huyện, thị và thành phố chỉ có 02 trường có nhà tập thể chất (chiếm tỉ lệ 13.33%). Tỷ lệ này quá thấp so với quy định của Bộ GD&ĐT, trong khi đó 02 nhà thi đấu này chỉ là nhà cấp 4, chất lượng thi xuống cấp nên cũng không thể phục vụ tốt cho việc thực hiện công tác GDTC của nhà trường.

- Về hệ thống sân tập (đá cầu, cầu lông, sân thể dục, phòng học): 100% các trường tiểu học trong diện khảo sát trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đều có sân tập, phòng học tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, đa số các trường đều sử dụng sân trường là sân tập thể chất chứ không có sân tập riêng, phòng học là phòng tập luyện. Điều này không chỉ ảnh hưởng tới chất lượng giờ học GDTC mà còn ảnh hưởng tới việc học văn hóa của các học sinh khác trong trường. Đây cũng là khó khăn chung của công tác GDTC trên cả nước hiện nay.

Trong số 15 trường khảo sát có 02 trường có sân bóng đá mini (chiếm tỉ lệ 13.33%), đó là điều rất tốt và thuận lợi cho việc thực hiện công tác GDTC của nhà trường vì đây là môn thể thao được rất nhiều các em yêu thích. Tuy nhiên, chất lượng sân chỉ là sân đất và phải dùng chung với các lớp thuộc hệ THCS nên cũng gặp nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp. Có 03 trường trong số các trường tiến hành khảo sát đã thiết kế tạo dựng được bể bơi thông minh ngay tại trường (chiếm tỉ lệ 20%). Tuy kích thước bể còn nhỏ nhưng đó cũng đã là một sự nỗ lực rất lớn của nhà trường, đặc biệt là của Ban giám hiệu và đội ngũ giáo viên chuyên trách Thể dục. Có thể nói đây là công trình vô cùng ý nghĩa trong công tác GDTC của nhà trường và được phụ huynh học sinh hưởng ứng rất tích cực. Số trường có sân bóng đá và bể bơi này đều tập trung ở khu vực thành phố Thái Nguyên.

- Về các sân tập điền kinh: Có 10/15 trường trong diện khảo sát có đường chạy đảm bảo đủ 60m chiếm tỉ lệ 66.66% (với chất lượng là sân xi măng và sân đất); có 8/15 trường có quy hoạch và xây dựng hố nhảy xa và nhảy cao chiếm tỉ lệ 53.33%. Tuy nhiên đối với đường chạy 60m và hố nhảy cao, nhảy xa thì do đặc thù và điều kiện chung về không gian và diện

tích đất chất hẹp ở các nhà trường tiểu học nên một số trường đảm bảo được các yêu cầu này là một vấn đề hết sức khó khăn.

- Về dụng cụ tập luyện: Đa số các trường được khảo sát có dụng cụ phục vụ cho tập luyện. Tuy nhiên so với tỉ lệ học sinh thì số lượng dụng cụ vẫn còn thiếu khá nhiều, chưa đủ để đảm bảo cho học sinh thực hiện việc học tập của mình một cách tốt nhất. Bên cạnh đó, chất lượng các dụng cụ thì lại chỉ đạt mức trung bình, thậm chí còn kém chất lượng và cũ nát do sử dụng nhiều mà chưa được thay thế dụng cụ mới. Điều này cũng ảnh hưởng rất lớn đến hứng thú và hiệu quả tập luyện của học sinh dẫn đến hiệu quả công tác GDTC không được tốt.

Kết quả nghiên cứu về cơ sở vật chất: Có thể thấy, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác GDTC ở các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã được cải thiện, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của giáo dục. Ở hầu hết các trường cơ sở vật chất phục vụ GDTC mới chỉ đáp ứng ở mức độ trung bình và thấp nếu so sánh với quy định từ 3.5m² tới 4m² sân tập luyện/ học sinh. Quỹ đất dành cho công tác GDTC còn quá ít, nhiều trường học không có sân bãi phục vụ cho việc dạy và học môn thể dục. Đặc biệt là ở các thành phố lớn, thị trấn, thị xã, đa số các trường đều sử dụng sân trường là sân tập thể chất chứ không có sân tập riêng, phòng học là phòng tập luyện. Điều này không chỉ ảnh hưởng tới chất lượng giờ học GDTC mà còn ảnh hưởng tới việc học văn hóa của các học sinh khác trong trường. Đây cũng là khó khăn chung của công tác GDTC trên cả nước hiện nay. Bên cạnh đó, điều kiện sở vật chất, trang thiết bị dành cho môn học thể dục thì nghèo nàn, thiếu thốn thậm chí còn không có. Các phương tiện khác phục vụ cho vui chơi giải trí và hoạt động ngoại khóa thì hầu hết các trường đều không có hoặc nếu có thì cũng rất cũ nát, kém chất lượng không đảm bảo an toàn cho tập luyện.

4. Thực trạng kết quả học tập môn học thể dục và trình độ thể lực của học sinh ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên

4.1. Kết quả học tập môn Thể dục của học sinh ở một số trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên

Bảng 3. Thực trạng kết quả học tập môn Thể dục của học sinh một số trường tiểu học ở tỉnh Thái Nguyên (n=3425)

TT	Kết quả đánh giá Khối lớp	Hoàn thành tốt (A ⁺)		Hoàn thành (A)		Chưa hoàn thành (B)	
		m _i	Tỉ lệ %	m _i	Tỉ lệ %	m _i	Tỉ lệ %
1	Khối lớp 1 (n=653)	158	24.2	383	58.65	112	17.15
2	Khối lớp 2 (n= 697)	198	28.41	406	58.25	93	13.34
3	Khối lớp 3 (n=692)	183	26.44	397	57.37	112	16.18
4	Khối lớp 4 (n=723)	201	27.8	419	57.95	103	14.25
5	Khối lớp 5 (n=660)	167	25.3	397	60.15	96	14.55

Từ kết quả bảng 3 cho thấy: Kết quả xếp loại học tập môn Thể dục của học sinh tiểu học ở tỉnh Thái Nguyên là tương đối đồng đều nhau ở tất cả các khối từ khối lớp 1 đến khối lớp 5. Số học sinh xếp loại hoàn thành A chiếm tỉ lệ cao (từ 57.37% đến 60.15%), chiếm tỉ lệ thấp hơn là số học sinh xếp loại hoàn thành tốt A⁺ (từ 24.20% đến 28.41%), trong khi đó vẫn còn một tỉ lệ không nhỏ số học sinh xếp loại chưa hoàn thành B (từ 13.34% đến 17.15%). Qua tìm hiểu được biết một trong những nguyên nhân chính dẫn đến kết quả trên là do học sinh không được tập luyện nhiều, đều và thường xuyên, bên cạnh đó tình trạng thiếu thốn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, sân bãi phục vụ cho quá trình luyện tập của học sinh còn tồn tại ở rất nhiều trường tiểu

học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Hơn nữa, do nội dung học tập của môn Thể dục lại quá nghèo nàn, thời gian tập luyện chính khóa thì lại ít nên không gây hứng thú tập luyện cho học sinh

4.2. Kết quả đánh giá, xếp loại thể lực từng chỉ tiêu của HSTH tỉnh Thái Nguyên theo tiêu chuẩn phân loại thể lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tiến hành kiểm tra thể lực và phân loại trình độ thể lực của học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Các test được sử dụng trong phân loại tổng hợp trình độ thể lực gồm: Chạy 30m XPC (s), Bật xa tại chỗ (cm), Chạy con thoi 4x10m (s) và Chạy tùy sức 5 phút (m). Kết quả cụ thể được trình bày tại bảng 4.

Bảng 4. Kết quả đánh giá, xếp loại thể lực từng chỉ tiêu của HSTH tỉnh Thái Nguyên theo tiêu chuẩn phân loại trình độ thể lực của Bộ GD&ĐT (n=3425)

TT	Chỉ tiêu	Học sinh nam (n=1837)						Học sinh nữ (n=1588)					
		Tốt		Đạt		Không đạt		Tốt		Đạt		Không đạt	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%
1	Chạy 30m XPC (s)	384	20.9	906	49.32	547	29.78	301	18.95	798	50.25	489	30.79
2	Bật xa tại chỗ (cm)	426	23.19	998	54.33	413	22.48	325	20.47	916	57.68	347	21.85
3	Nằm ngửa gập bụng (lần/3s)	628	34.19	996	54.22	213	11.59	503	31.68	863	54.3	222	13.98
4	Chạy con thoi 4x10m (s)	506	27.54	996	54.22	335	18.24	336	21.16	906	57.1	346	21.79
5	Lực bóp tay thuận (kg)	634	34.51	978	53.24	225	12.25	485	30.54	804	50.6	299	18.83
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	372	20.25	879	47.85	586	31.9	309	19.46	726	45.72	553	34.82
7	Xếp loại thể lực	182	9.91	796	43.33	859	46.76	103	6.49	698	43.95	787	49.56

Kết quả bảng 4 cho thấy:

+ Đối với nam HSTH: Đa số học sinh xếp loại thể lực ở mức đạt (chiếm từ 47.85% tới 54.33% tổng số học sinh ở các chỉ tiêu kiểm tra). Tỷ lệ học sinh đạt trình độ thể lực loại tốt ở nam cao nhất là ở chỉ tiêu đánh giá sức mạnh tay (Lực bóp tay thuận (kG) chiếm 35.51%). Tỷ lệ học sinh không đạt tiêu chuẩn cao nhất ở chỉ tiêu đánh giá sức bền (Chạy tùy sức 5 phút (m) chiếm 31.90%). Khi xếp loại thể lực của học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT cho thấy: Tỷ lệ HSTH nam tỉnh Thái Nguyên không đạt tiêu chuẩn thể lực cao chủ yếu ở các chỉ tiêu đánh giá sức bền (chạy 5 phút tùy sức: (m) và sức nhanh (chạy 30m XPC: (s), các chỉ tiêu khác tỷ lệ đạt cao hơn. Kết quả đánh giá tổng hợp cho thấy: Số học sinh nam đạt kết quả loại “tốt” chiếm tỉ lệ rất nhỏ 9.91%, loại “đạt” là 43.33%, loại “không đạt” chiếm tỉ lệ là 46.46% trên tổng số học sinh được khảo sát. Như vậy, phát triển thể lực cho nam HSTH tỉnh Thái Nguyên là vấn đề cần thiết.

+ Đối với nữ HSTH: Tương tự như nam, đa số học sinh nữ xếp loại thể lực ở mức đạt (chiếm từ 45.52% tới 57.68% tổng số học sinh ở các chỉ tiêu kiểm tra). Tỷ lệ học sinh đạt trình độ thể lực loại tốt ở nữ cao nhất là sức mạnh bền (Nằm ngửa gập bụng (chiếm tỉ lệ 31.68%). Tỷ lệ học sinh không đạt tiêu chuẩn cao nhất ở sức bền (Chạy tùy sức 5 phút chiếm 34.82%). Tiến hành phân loại trình độ thể lực của học sinh theo tiêu chuẩn đánh giá thể lực của Bộ GD&ĐT cho thấy: Tỷ lệ HSTH nữ tỉnh Thái Nguyên không đạt tiêu chuẩn thể lực cao chủ yếu là sức bền (chạy 5 phút tùy sức) và sức nhanh (Chạy 30m XPC), các nội dung thể lực khác tỷ lệ đạt cao hơn. Kết quả đánh giá tổng hợp cho thấy: Số học sinh nữ đạt kết quả loại “tốt” chiếm tỉ lệ rất nhỏ 6.49%, loại “đạt” là 43.95%, loại “không đạt” chiếm tỉ lệ 49.65% trên tổng các chỉ tiêu kiểm tra. Như vậy, nâng cao thể lực cho học sinh là vấn đề cần thiết.

KẾT LUẬN

1. 100% các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thực hiện đầy đủ các nội dung trong Chương trình GDTC do Bộ GD&ĐT qui định. Trình độ đào tạo của đội ngũ giáo viên GDTC bậc Tiểu học tỉnh Thái Nguyên còn thấp;

trình độ dưới đại học trong các trường tiểu học còn chiếm tỉ lệ khá cao, đặc biệt vẫn còn một tỉ lệ không nhỏ (44.19%) số giáo viên là kiêm nhiệm. Cơ sở vật chất, sân bãi dụng cụ phục vụ công tác giảng dạy môn GDTC ở các trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên còn nhiều hạn chế cả về chất lượng và số lượng.

2. Kết quả học tập môn GDTC tại các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho thấy: Học sinh nam và nữ các lớp ở bậc tiểu học của tỉnh có kết quả học tập môn học Thể dục và trình độ thể lực chủ yếu ở mức trung bình và trung bình khá so với kết quả điều tra thể chất nhân dân năm 2001 của Viện khoa học TDTT cũng như so với tiêu chuẩn xếp loại thể lực chung của Bộ GD&ĐT.

Đặc biệt kết quả xếp loại thể lực của nam và nữ học sinh theo tiêu chuẩn RLTT của Bộ GD&ĐT còn thấp, tỉ lệ học sinh “không đạt” trên tổng các chỉ tiêu kiểm tra của cả nam và nữ chiếm gần 50%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ giáo dục và Đào tạo, Đánh giá xếp loại thể lực học sinh, sinh viên, *Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 28 tháng 9 năm 2008.*

2. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2006), *Lý luận và Phương pháp TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.

3. Nguyễn Tiên Tiến, Đàm Quang Huy (2017), “Thực trạng công tác GDTC tại trường trung học phổ thông Võ Thị Sáu – Quận bình thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 – 2016”, *Tap chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao, Số 06 trường Đại học TDTT Bắc Ninh.*

4. Viện Khoa học TDTT (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 – 20 tuổi*, Nxb TDTT Hà Nội.

(Bài nộp ngày 6/11/2018, Phản biện ngày 12/6/2018, duyệt in ngày 25/6/2018)

Chịu trách nhiệm chính: Trần Thị Tú
Email: Trantu@dhsptn.edu.vn)